TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HS-ST
Ngày 14-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thái Ngọc**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Hồ Quốc Hùng**;

Ông **Trà Minh Châu**;

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Gia Mẫn** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông **Cao Trương Minh Đức** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn T** (tên thường gọi: D), sinh ngày 07 tháng 7 năm 1987 tại tỉnh Sóc Trăng.

Nơi cư trú: Ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn lớp 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không có; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Sơn N và bà Viêng Thị Kim H; Bị cáo sống chung như vợ chồng với bà Tôn Nữ Thanh C và có 01 người con sinh năm 2023; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/01/2024 và chuyển tạm giam từ ngày 13/01/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại tòa.

2. **Nguyễn Phước L** (tên thường gọi: Hũ C), sinh ngày 01 tháng 01 năm 1990 tại tỉnh Sóc Trăng.

Nơi cư trú: Ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn lớp 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không có; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Ánh T1; Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Thảo L1 và có 02 người con sinh năm 2012 và sinh năm 2016; Tiền án: không; Tiền sự: có 01 tiền sự: Tại Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành

chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 05/2022/QĐ-TA ngày 17/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng với thời gian 12 tháng. Đã chấp hành xong vào ngày 19/01/2023; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/01/2024 và chuyển tạm giam từ ngày 13/01/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại tòa.

3. **Nguyễn Minh T2**, sinh ngày 11 tháng 7 năm 1998 tại tỉnh Sóc Trăng.

Nơi cư trú: Ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ học vấn Lớp 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không có; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn V và bà Võ Thị M; Bị cáo chưa có vợ và chưa có con; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/01/2024 và chuyển tạm giam từ ngày 13/01/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại tòa.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

4.1. Bà **Nguyễn Thị Thảo L1**, sinh ngày 08/10/1991; Địa chỉ: Ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

4.2. Ông **Nguyễn Sơn N**, sinh năm 1955; Địa chỉ: Ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

5. Người làm chứng*:* Ông **Trần Văn T3**, sinh năm 1996; Địa chỉ: Ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

6. Người chứng kiến*:* Ông **Trần Thanh H1**, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhận được tin tố giác của quần chúng nhân dân tại khu vực nhà ở của Nguyễn Văn T (sinh ngày 07/7/1987, nơi cư trú: ấp N, thị trấn Đ, huyện L) có nhiều đối tượng có biểu hiện hoạt động tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên lực lượng Công an gồm Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L phối hợp với Công an thị trấn Đ, huyện L tiến hành xác minh, theo dõi.

Đến khoảng 15 giờ ngày 10/01/2024, lực lượng Công an kiểm tra phát hiện Nguyễn Văn T cùng với Nguyễn Phước L và Nguyễn Minh T2 đang có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại khu vực nhà sau của Nguyễn Văn T nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ và niêm phong các đồ vật có liên quan.

Quá trình xác minh Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Phước L khai nhận:

Đối với Nguyễn Minh T2 sử dụng điện thoại di động loại cảm ứng, hiệu IPHONE đã cài đặt ứng dụng T4 và Z để liên lạc với người quen. Đối với ứng dụng Telegram, Nguyễn Minh T2 sử dụng số điện thoại 0366.302.296 để tạo tài khoản và đặt tên là "Thuận O", kết bạn với tài khoản T4 của Hũ C1 với tên tài khoản là "Nguyễn L", (nhưng không nhớ số điện thoại). Đối với ứng dụng Zalo, Nguyễn Minh T2 vẫn sử dụng số điện thoại 0366.302.296 để tạo tài khoản Zalo và đặt tên

tài khoản là “M T”. Nguyễn Minh T2 đã lưu số điện thoại của Hũ C1 và đặt tên danh bạ là “Hữu C” nên khi kết bạn Z với Hũ C1 thì tên tài khoản của Hũ C1 được đồng bộ với tên "Hữu C”. Các tài khoản trên đều sử dụng trước ngày 10/01/2024. Về thông tin trên tài khoản thì ngày tháng năm sinh của Nguyễn Minh T2 để ngẫu nhiên, không phải ngày tháng năm sinh thật.

Đối với Nguyễn Phước L sau khi cai nghiện trở về nhà được vợ tên Nguyễn Thị Thảo L1 mua và cho sử dụng 01 điện thoại di động loại cảm ứng, hiệu OPPO, màu đen. Khi sử dụng điện thoại trên Nguyễn Phước L có cài đặt ứng dụng Telegram và Z để liên lạc với người quen. Đối với ứng dụng Telegram, Nguyễn Phước L sử dụng số điện thoại 0762.821.385 để tạo tài khoản và đặt tên là “Nguyễn L”. Nguyễn Phước L cũng có kết bạn với tài khoản T4 của T2 với tên tài khoản là “M T”, số điện thoại Nguyễn Phước L không nhớ rõ nhưng quá trình kiểm tra điện thoại đã ghi nhận rồi. Đối với ứng dụng Zalo, Nguyễn Phước L sử dụng số điện thoại 0961.396.118 để tạo tài khoản Zalo và đặt tên tài khoản là “Nguyễn L”, Nguyễn Phước L cũng có kết bạn với tài khoản Z của T2 với tên tài khoản là “M T”. Đối với các ứng dụng trên, do điện thoại của Nguyễn Phước L sử dụng có lưu số điện thoại của T2 với tên “M T” nên tài khoản T4 và Z của T2 mà Nguyễn Phước L kết bạn đều đồng bộ với tên “M T”. Các tài khoản trên Nguyễn Phước L đều sử dụng trước ngày 10/01/2024.

Vào khoảng 12 giờ 40 ngày 10/01/2024, Nguyễn Minh T2 nhắn tin qua điện thoại rủ Nguyễn Phước L đến nhà Nguyễn Văn T để sử dụng trái phép chất ma túy thì Nguyễn Phước L đồng ý. Nguyễn Phước L và Nguyễn Minh T2 thỏa thuận mỗi người hùn 100.000 đồng để mua ma túy về sử dụng thì Nguyễn Phước L đồng ý và Nguyễn Phước L kêu Nguyễn Minh T2 rủ Nguyễn Văn T cùng tham gia. Lúc này, Nguyễn Văn T đang ở nhà thuộc ấp N, thị trấn Đ, huyện L thì có Trần Văn T3 đến chơi và ngủ lại trên võng tại khu vực hàng ba nhà của Nguyễn Văn T. Đến khoảng 13 giờ 40 phút cùng ngày, Nguyễn Minh T2 đến nhà của Nguyễn Văn T và rủ Nguyễn Văn T sử dụng trái phép chất ma túy, Nguyễn Minh T2 có nói cho Nguyễn Văn T biết việc Nguyễn Minh T2 và Nguyễn Phước L hùn tiền mua ma túy. Riêng Nguyễn Văn T thì sẽ ra dụng cụ để sử dụng ma túy. Sau khi bàn bạc xong, Nguyễn Minh T2 đi đến khu vực cầu N, thuộc ấp P, xã S, huyện L và mua 200.000 đồng ma túy từ người thanh niên không rõ nhân thân, địa chỉ rồi quay về nhà của Nguyễn Văn T. Cùng lúc Nguyễn Phước L cũng vừa đến nhà Nguyễn Văn T và Trần Văn T3 vẫn còn đang ngủ ở khu vực hàng ba nhà Nguyễn Văn T. Lúc này Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Phước L mỗi người ngồi trên 01 cái ghế nhựa màu đỏ có lưng tựa, đặt xung quanh 01 cái bàn bằng nhựa màu xanh. Nguyễn Văn T lấy ma túy cho vào dụng cụ sử dụng ma túy rồi sử dụng trước, sau đó đưa cho Nguyễn Minh T2 và Nguyễn Phước L lần lượt sử dụng. Trong khi đang sử dụng ma túy thì Trần Văn T3 thức dậy nhìn thấy nên Nguyễn Phước L, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Văn T lần lượt rủ Trần Văn T3 cùng tham gia sử dụng ma túy. Trần Văn T3 đồng ý và đi đến cầm dụng cụ đang sử dụng ma túy và sử dụng. Sau khi sử dụng xong thì Trần Văn T3 bỏ đi. Còn Nguyễn Văn T đem dụng cụ sử dụng ma túy giấu vào cái ấm bằng sành. Cùng lúc này, lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Phước L còn

Trần Văn T3 thì bỏ chạy. Qua làm việc Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Phước L đã thừa nhận toàn bộ hành vì tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của mình. Quá trình xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã mời Trần Văn T3 làm việc và Trần Văn T3 đã khai nhận hành vi sử dụng trái phép chất ma túy cùng với Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Phước L.

Tại bản kết luận giám định số 05/KLMT-KTHS, ngày 15/01/2024 của Phòng K Công an tỉnh S (bút lục 82) kết luận:

- Một ống thủy tinh (nỏ) chứa chất rắn màu trắng bên trong được niêm phong gửi giám định có tìm thấy thành phần ma túy, loại Methamphetamine. Không xác định được khối lượng chất rắn màu trắng do mẫu quá ít.

Xét thấy có đủ căn cứ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can, bắt tạm giam đối với Nguyễn Minh T2, Nguyễn Phước L, Nguyễn Văn T về "Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự để điều tra làm rõ.

Quá trình điều tra xác định Nguyễn Văn T có hành vi cung cấp địa điểm, dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy cho Nguyễn Minh T2, Nguyễn Phước L và Trần Văn T3 sử dụng trái phép chất ma túy. Còn Nguyễn Minh T2, Nguyễn Phước L cùng có hành vi cung cấp ma túy cho Nguyễn Văn T và Trần Văn T3 sử dụng trái phép chất ma túy (bút lục 01 đến 07; 10-11; 108-114).

Về tình tiết tăng nặng: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra các bị can đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội. Bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Minh T2 chưa có tiền án, tiền sự.

Về vật chứng của vụ án:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã tạm giữ và xử lý như sau:

- 01 (một) cái ấm bằng sành có quai cầm, bên trong có 01 chai nhựa có nắp đậy màu đỏ, phần dưới chai nhựa nối với 01 cái chung, trên nắp có 02 lỗ, có 01 lỗ gắn 01 đoạn ống thủy tinh được uốn cong có 01 đầu hình cầu ở trên, bên trong có dính ít chất rắn màu trắng, phần dưới ống thủy tinh nối với ống hút nhựa màu trắng;

- 01 (một) cây kéo bằng kim loại;

- 01 (một) cái bật lửa;

- 01 (một) mảnh nylon;

- 01 (một) cái lon bằng kim loại có nắp đậy bằng nhựa;

- 01 (một) cái bàn màu xanh đã cũ;

- 03 (ba) cái ghế nhựa màu đỏ, có lưng tựa, đã qua sử dụng thu giữ tại hiện trường trong quá trình bắt quả tang.

- 01 (một) điện thoại di động loại cảm ứng, hiệu OPPO, màu đen, đã qua sử dụng thu được trong quá trình bắt quả tang.

- 01 (một) điện thoại di động loại cảm ứng, hiệu IPHONE, màu đen, đã qua sử dụng thu được trong quá trình bắt quả tang.

Hiện đã chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Phú quản lý.

Trong quá trình điều tra, ông Nguyễn Sơn N khai: Vào ngày 10/01/2024, sau khi ăn uống xong tại nhà thì ông N đã rời khỏi nhà để đi công việc cá nhân. Khi trở về nhà trong khoảng thời gian 15giờ 30phút thì đã có lực lượng chức năng đến làm việc về các bị cáo tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà của ông. Việc các bị cáo trong đó có con ông là Nguyễn Văn T đã sử dụng nhà của ông để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy thì ông không biết. Ông cũng xác định căn nhà là thuộc sở hữu của ông, bị cáo Nguyễn Văn T là con ruột ngụ cùng nhà chứ không phải là tài sản của bị cáo.

Tại Cáo trạng số 19/CT-VKSLP ngày 23/4/2024 đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Phước L, Nguyễn Minh T2 về "Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai trong quá trình điều tra cũng như Cáo trạng đã nêu. Thống nhất với tội danh và đề nghị xử nhẹ cho bị cáo được sớm về chăm sóc cha mẹ già và nuôi con còn nhỏ.

- Bị cáo Nguyễn Phước L khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai trong quá trình điều tra cũng như cáo trạng đã nêu. Thống nhất với tội danh và đề nghị xử nhẹ cho bị cáo được sớm về chăm sóc cha mẹ già và nuôi con còn nhỏ.

- Bị cáo Nguyễn Minh T2 khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai trong quá trình điều tra cũng như cáo trạng đã nêu. Thống nhất với tội danh và đề nghị xử nhẹ cho bị cáo được sớm về chăm sóc cha mẹ già.

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú vẫn giữ nguyên bản cáo trạng về việc đã truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Phước L và Nguyễn Minh T2 phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

+ Đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức hình phạt từ 07 năm đến 08 năm tù.

+ Đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Phước L mức hình phạt từ 07 năm đến 08 năm tù.

+ Đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T2 mức hình phạt từ 07 năm đến 08 năm tù.

+ Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cái ấm bằng sành có quai cầm, bên trong có 01 chai nhựa có nắp đậy màu đỏ, phần dưới chai nhựa nối với 01 cái chung, trên nắp có 02 lỗ, có 01 lỗ gắn 01 đoạn ống thủy tinh được uốn cong có 01 đầu hình cầu ở trên, bên trong có dính ít chất rắn màu trắng, phần dưới ống thủy tinh nối với ống hút nhựa màu trắng; 01 (một) cây kéo bằng kim loại; 01 (một) cái bật lửa; 01 (một) mảnh nylon; 01 (một) cái lon bằng kim loại có nắp đậy bằng nhựa; 01 (một) cái bàn màu xanh đã cũ; 03 (ba) cái ghế nhựa màu đỏ, có lưng tựa, đã qua sử dụng thu giữ tại hiện trường trong quá trình bắt quả tang.

Trả lại chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO cho bà Nguyễn Thị Thảo L1: 01 (một) điện thoại di động loại cảm ứng, hiệu OPPO, màu đen, đã qua sử dụng thu được trong quá trình bắt quả tang.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động loại cảm ứng, hiệu IPHONE, màu đen, đã qua sử dụng thu được trong quá trình bắt quả tang.

Hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú đang quản lý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị Thảo L1 trình bày việc chồng của bà là bị cáo Nguyễn Phước L tham gia tổ chức sử dụng ma túy thì bà hoàn toàn không hay biết. Đối với điện thoại di động nhãn hiệu được mua trước đây vào khoảng năm 2022 với giá 4.000.000 đồng sau khi Nguyễn Phước L chấp hành quyết định cai nghiện về nhà nhưng không có điện thoại sử dụng nên bà đã đưa điện thoại này cho bị cáo Nguyễn Phước L sử dụng để thuận tiện trong việc liên lạc.

Ông Nguyễn Sơn N vắng mặt.

Người làm chứng: Trần Văn T3 khai: Do Hũ C1, T2 và D đang sử dụng ma túy và thấy Trần Văn T3 nên rủ và được T3 đồng ý. Việc T3 sử dụng ma túy cùng với 03 bị cáo là hoàn toàn tự nguyện. Trước đây T3 cũng đã từng sử dụng ma túy nhưng không phải là người nghiện.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo:

+ Bị cáo Nguyễn Minh T2 đề nghị Hội đồng xét xử xử nhẹ cho bị cáo để bị cáo sớm về giúp cho gia đình.

+ Bị cáo Nguyễn Phước L đề nghị Hội đồng xét xử xử nhẹ cho bị cáo để bị cáo sớm về làm lại cuộc đời.

+ Bị cáo Nguyễn Văn T đề nghị Hội đồng xét xử xử nhẹ cho bị cáo để bị cáo sớm về giúp cho cha mẹ già và nuôi con còn nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, Kiểm sát viên. Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về xét xử vắng mặt: Đối với Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Nguyễn Sơn N và người chứng kiến là ông Trần Thanh H1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử nhận thấy, quá trình điều tra đã có lời khai đầy đủ tại cơ quan điều tra, việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ vào Điều 292 và Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về hành vi của bị cáo: Qua xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa cho thấy: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Phước L và Nguyễn Minh T2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 10/01/2024; biên bản về việc xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể ngày 10/01/2024; biên bản khám nghiệm hiện trường và bản ảnh hiện trường ngày 10/01/2024; Kết luận giám định số 05/KLMT-KTHS, ngày 15/01/2024 của Phòng K Công an tỉnh S cũng như phù hợp chứng cứ thu được tại hiện trường và phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ, người làm chứng, người chứng kiến và phù hợp với vật chứng đã thu được, kết hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án phù hợp với kết luận điều tra của Cơ quan cảnh sát điều tra, bản cáo trạng, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận:

[3.1] Vào khoảng 12 giờ 40 ngày 10/01/2024, Nguyễn Minh T2 nhắn tin qua điện thoại rủ Nguyễn Phước L đến nhà Nguyễn Văn T để sử dụng trái phép chất ma túy thì Nguyễn Phước L đồng ý. Nguyễn Phước L và Nguyễn Minh T2 thỏa thuận mỗi người hùn 100.000 đồng để mua ma túy về sử dụng thì Nguyễn Phước L đồng ý và Nguyễn Phước L kêu Nguyễn Minh T2 rủ Nguyễn Văn T cùng tham gia. Lúc này, Nguyễn Văn T đang ở nhà thuộc ấp N, thị trấn Đ, huyện L thì có Trần Văn T3 (sinh ngày 07/6/1996, cư trú ấp N, thị trấn Đ, huyện L) đến chơi và ngủ lại trên võng tại khu vực hàng ba nhà của Nguyễn Văn T. Đến khoảng 13 giờ 40 phút cùng ngày, Nguyễn Minh T2 đến nhà của Nguyễn Văn T và rủ Nguyễn Văn T sử dụng trái phép chất ma túy, Nguyễn Minh T2 có nói cho Nguyễn Văn T biết việc Nguyễn Minh T2 và Nguyễn Phước L hùn tiền mua ma túy, riêng Nguyễn Văn T thì sẽ ra dụng cụ để sử dụng ma túy. Sau khi bàn bạc xong, Nguyễn Minh T2 đi đến khu vực cầu N, thuộc ấp P, xã S, huyện L và mua 200.000 đồng ma túy từ người thanh niên không rõ nhân thân, địa chỉ rồi quay về nhà của Nguyễn Văn T, cùng lúc Nguyễn Phước L cũng vừa đến nhà Nguyễn Văn T và Trần Văn T3 vẫn còn đang ngủ ở khu vực hàng ba nhà Nguyễn Văn T. Lúc này Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Phước L mỗi người ngồi trên 01 cái ghế nhựa màu đỏ có lưng tựa, đặt xung quanh 01 cái bàn bằng nhựa màu xanh. Nguyễn Văn T lấy ma túy cho vào dụng cụ sử dụng ma túy rồi sử dụng trước, sau đó đưa cho Nguyễn Minh T2 và Nguyễn Phước L lần lượt sử

dụng. Trong khi đang sử dụng ma túy thì Trần Văn T3 thức dậy nhìn thấy nên Nguyễn Phước L, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Văn T lần lượt rủ Trần Văn T3 cùng tham gia sử dụng ma túy. Trần Văn T3 đồng ý và đi đến cầm dụng cụ đang sử dụng ma túy và sử dụng. Theo Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính Phủ thì M1 có số thứ tự 323 thuộc danh mục II Danh mục các chất ma túy.

[3.2] Hành vi của bị cáo Nguyễn Minh T2 đã cùng với Nguyễn Văn T, Nguyễn Phước L đưa trái phép chất ma túy là M1 vào cơ thể của mình và của Trần Văn T3 xảy ra từ 14 giờ 30 phút đến 15 giờ ngày 10/01/2024 tại nơi bị cáo Nguyễn Văn T đang cư trú thuộc ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng được bị cáo thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về ma tuý, gây mất trật tự trị an xã hội, gây nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên hành vi đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác của bị cáo đã phạm vào tội: "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" quy định tại Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017, sau đây gọi tắt là Bộ luật Hình sự). Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng; việc tổ chức sử dụng, sử dụng trái phép chất ma tuý không chỉ ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, trí lực của con người, mà từ ma tuý đã làm phát sinh nhiều tội phạm khác và là một trong những nguyên nhân, là hiểm hoạ đối với mọi gia đình và xã hội. Chính vì vậy, đối với hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử phạt nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3.3] Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự (đủ tuổi và có năng lực hành vi dân sự). Do đó hành vi của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành "Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại điểm b khoản 2, Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

[3.4] Bị cáo Nguyễn Minh T2 là người khởi xướng, chủ động rủ rê Nguyễn Phước L, Nguyễn Văn T sử dụng ma túy và bị cáo cũng là người cung cấp ma túy nên hành vi của bị cáo đã vi phạm điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự với tình tiết "Đối với 02 người trở lên".

[3.5] Bị cáo Nguyễn Phước L được xác định là người rủ rê, cùng tham gia cung cấp ma túy bằng việc thỏa thuận hùn tiền với bị cáo Nguyễn Minh T2 để có ma túy sử dụng với bị cáo T2 và rủ rê bị cáo T sử dụng. Trong quá trình sử dụng bị cáo đã cùng với các bị cáo còn lại rủ rê thêm Trần Văn T3 cùng sử dụng nên hành vi của bị cáo đã vi phạm điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự với tình tiết "Đối với 02 người trở lên".

[3.6] Bị cáo Nguyễn Văn T được xác định là người rủ rê đối với bị cáo L bằng việc kêu bị cáo T2 gọi điện cho L. Bị cáo là người cung cấp địa điểm là nơi cư trú của mình và cung cấp các dụng cụ phục vụ cho việc tổ chức sử dụng ma túy. Trong quá trình sử dụng bị cáo đã cùng với các bị cáo còn lại rủ rê thêm Trần Văn T3 cùng sử dụng nên hành vi của bị cáo đã vi phạm điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự với tình tiết "Đối với 02 người trở lên".

[3.7] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong phần

tranh luận, sau khi Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú đề nghị mức hình phạt từ 07 năm đến 08 năm tù. Các bị cáo thống nhất với tội danh và mức hình phạt: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[3.8] Xét về vai trò của từng bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, không có tổ chức chặt chẽ. Tuy nhiên vai trò chính là bị cáo Nguyễn Minh T2, Hội đồng xét xử phân hóa vai trò như sau: Bị cáo Nguyễn Minh T2 là người khởi xướng, chủ động rủ rê Nguyễn Phước L, Nguyễn Văn T và Trần Văn T3 là người chuẩn bị chất ma túy, xúi giục những người khác sử dụng ma túy và là người cắt ma túy mua được đưa vào dụng cụ sử dụng. Bị cáo Nguyễn Phước L đã tiếp nhận ý chí của Nguyễn Minh T2 khi được rủ rê và đồng ý hùn hạp số tiền 100.000 đồng để bị cáo Nguyễn Minh T2 mua ma túy. Đồng thời bị cáo Nguyễn Phước L cũng là người kêu bị cáo Nguyễn Minh T2 rủ thêm bị cáo Nguyễn Văn T cùng sử dụng ma túy. Trong quá trình sử dụng bị cáo Nguyễn Phước L cũng rủ rê để Trần Văn T3 tham sử dụng. Đối với bị cáo Nguyễn Văn T là người cung cấp địa điểm, dụng cụ và kêu bị cáo Nguyễn Minh T2 rủ bị cáo Nguyễn Phước L hùn tiền mua ma túy về sử dụng và trong quá trình sử dụng đã rủ rê Trần Văn T3 tham gia. Do đó, vai trò của bị cáo Nguyễn Minh T2 được xác định cao hơn so với hai bị cáo Nguyễn Phước L, Nguyễn Văn T khi thực hiện hành vi phạm tội. Đối với hai bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Phước L được xác định có vai trò là ngang nhau khi thực hiện hành vi phạm tội.

[3.9] Về mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo:

[3.9.1] Bị cáo Nguyễn Minh T2 đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn, hối cải nhưng bị cáo có vai trò cao nhất trong vụ án; trước khi phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự đây được xem là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Nhưng do bị cáo được xác định có vai trò thực hiện hành vi cao hơn hai bị cáo còn lại nên cần áp dụng hình phạt đối các bị cáo còn lại mới đủ sức răn đe nhằm giáo dục cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[3.9.2] Bị cáo Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn, hối cải, bị cáo có vai trò thấp hơn bị cáo Nguyễn Minh T2 trong vụ án; trước khi phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự đây được xem là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên cần áp dụng hình phạt đối với bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình lại cũng đủ sức răn đe, giáo dục cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[3.9.3] Bị cáo Nguyễn Phước L đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn, hối cải, bị cáo có vai trò thấp hơn bị cáo Nguyễn Minh T2 trong vụ án; bị cáo có một tiền sự chưa được xóa nên được xác định có nhân thân xấu; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên cần áp dụng hình phạt đối với bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình lại cũng đủ sức răn đe, giáo dục cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[3.10] Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên qua là ông Nguyễn Sơn N là chủ sở hữu đối với căn nhà mà các bị cáo đã sử dụng làm nơi tổ chức sử dụng trái

phép chất ma túy. Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã xác định được ông Nguyễn Sơn N hoàn toàn không biết việc các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội tại nhà của mình nên không đặt ra xem xét xử lý. Đồng thời trả lại chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO là có căn cứ.

[3.11] Đối với bà Nguyễn Thị Thảo L1 trong quá trình điều tra và tại phiên tòa không biết chồng mình là bị cáo Nguyễn Phước L tham gia tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Đối với điện thoại di động nhãn hiệu OPPO được mua trước đây vào khoảng năm 2022 với giá 4.000.000 đồng sau khi Nguyễn Phước L chấp hành quyết định cai nghiện về nhà nhưng không có điện thoại sử dụng nên bà đã đưa điện thoại này cho bị cáo Nguyễn Phước L sử dụng để thuận tiện trong việc liên lạc. Bà Nguyễn Thị Thảo L1 cũng không biết bị cáo Nguyễn Phước L đã sử dụng điện thoại trên để liên lạc với các bị cáo khác tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên không đặt ra xem xét xử lý là có căn cứ.

[3.12] Đối với Trần Văn T3 trong quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định được các bị cáo Nguyễn Minh T2, Nguyễn Phước L và Nguyễn Văn T khi đang tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy rủ rê tham gia và hoàn toàn không hay biết, không tham gia ngay từ khi chuẩn bị dụng cụ, công cụ nhằm mục đích tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Công an huyện L, tỉnh Sóc Trăng đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 42/QĐ-XPHC ngày 01/4/2024 về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và đã chấp hành nộp phạt xong. Do đó hành vi của Trần Văn T3 đã được xử lý xong nên không đặt ra xử lý trong vụ án là có căn cứ.

[3.13] Đối với người chạy xe ôm trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có thông tin về người này nên không đặt ra xem xét là có căn cứ.

[3.14] Đối với nam thanh niên bán ma túy cho bị cáo Nguyễn Minh T2, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đang tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ nên không đặt ra xem xét là có căn cứ.

[4] Về xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ: Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ trong vụ án như sau:

[4.1] Trả lại cho chủ sở hữu đối với tài sản gồm: 01 (một) điện thoại di động loại cảm ứng, hiệu OPPO, màu đen, đã qua sử dụng thu được trong quá trình bắt quả tang cho bà Nguyễn Thị Thảo L1.

[4.2] Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước đối với: 01 (một) điện thoại di động loại cảm ứng, hiệu IPHONE, màu đen, đã qua sử dụng thu được trong quá trình bắt quả tang.

[4.3] Tịch thu và tiêu hủy những vật chứng không sử dụng được gồm:

- 01 (một) cái ấm bằng sành có quai cầm, bên trong có 01 chai nhựa có nắp đậy màu đỏ, phần dưới chai nhựa nối với 01 cái chung, trên nắp có 02 lỗ, có 01 lỗ gắn 01 đoạn ống thủy tinh được uốn cong có 01 đầu hình cầu ở trên, bên trong có dính ít chất rắn màu trắng, phần dưới ống thủy tinh nối với ống hút nhựa màu trắng;

- 01 (một) cây kéo bằng kim loại;

- 01 (một) cái bật lửa;

- 01 (một) mảnh nylon;

- 01 (một) cái lon bằng kim loại có nắp đậy bằng nhựa;

- 01 (một) cái bàn màu xanh đã cũ;

- 03 (ba) cái ghế nhựa màu đỏ, có lưng tựa, đã qua sử dụng thu giữ tại hiện trường trong quá trình bắt quả tang.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

[6] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[7] Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh và việc áp dụng pháp luật là có căn cứ và phù hợp với tính chất, mức độ và hành vi của từng bị cáo đã thực hiện nên được chấp nhận. Ý kiến tranh luận của từng bị cáo và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Minh T2.

* Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

* Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Phước L.

* Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Minh T2, Nguyễn Văn T (tên thường gọi D) và Nguyễn Phước L (tên thường gọi Hũ C1) phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

* Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T2: **07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù** thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/01/2024.

* Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T (tên thường gọi D): **07 (B) năm tù** thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/01/2024.

* Xử phạt bị cáo Nguyễn Phước L (tên thường gọi Hũ C1): **07 (B) năm tù**

thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/01/2024.

* Về xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ: Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thảo L1: 01 (một) điện thoại di động loại cảm ứng, hiệu OPPO, màu đen, đã qua sử dụng thu được trong quá trình bắt quả tang.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước đối với: 01 (một) điện thoại di động loại cảm ứng, hiệu IPHONE, màu đen, đã qua sử dụng thu được trong quá trình bắt quả tang.

- Tịch thu và tiêu hủy đối với:

+ 01 (một) cái ấm bằng sành có quai cầm, bên trong có 01 chai nhựa có nắp đậy màu đỏ, phần dưới chai nhựa nối với 01 cái chung, trên nắp có 02 lỗ, có 01 lỗ gắn 01 đoạn ống thủy tinh được uốn cong có 01 đầu hình cầu ở trên, bên trong có dính ít chất rắn màu trắng, phần dưới ống thủy tinh nối với ống hút nhựa màu trắng;

+ 01 (một) cây kéo bằng kim loại;

+ 01 (một) cái bật lửa;

+ 01 (một) mảnh nylon;

+ 01 (một) cái lon bằng kim loại có nắp đậy bằng nhựa;

+ 01 (một) cái bàn màu xanh đã cũ;

+ 03 (ba) cái ghế nhựa màu đỏ, có lưng tựa, đã qua sử dụng thu giữ tại hiện trường trong quá trình bắt quả tang.

Các vật chứng, tài sản nêu trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng quản lý theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chngày 23/4/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện L, tỉnh Sóc Trăng và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

* Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

- Xử buộc bị cáo Nguyễn Minh T2 chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Xử buộc bị cáo Nguyễn Văn T (tên thường gọi D) chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Xử buộc bị cáo Nguyễn Phước L (tên thường gọi Hũ C1) chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

- Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Các bị cáo và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thị Thảo L1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án,

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Sơn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV&THA);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Cơ quan ĐT Công an huyện Long Phú;
- Cơ quan Hồ sơ nghiệp vụ Công an huyện Long Phú;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Long Phú;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu HSVA, HSTHAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thái Ngọc